

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018
(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-41
<i>Trong đó:</i>	
Báo cáo tình hình tài chính	06 -08
Báo cáo kết quả hoạt động	09 - 10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 - 13
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	14
Thuyết minh Báo cáo tài chính	15 - 41

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103013960 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26/9/2006 và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 16/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 09 năm 2006, Giấy phép điều chỉnh số 178/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10 tháng 12 năm 2008, Giấy phép điều chỉnh số 365/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 02 tháng 11 năm 2010, Giấy phép điều chỉnh số 19/GPĐC-UBCK ngày 26 tháng 02 năm 2018.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Văn Tiền	Chủ tịch	
Ông Đào Mạnh Kháng	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 19/04/2018
Bà Nguyễn Thị Hương	Ủy viên	
Ông Trương Ngọc Lân	Ủy viên	
Bà Vũ Thị Hương	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 19/04/2018
Bà Trần Kim Khánh	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 19/04/2018

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trương Ngọc Lân	Tổng Giám đốc	
Ông Chu Tuấn An	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Giang Hồng Hạnh	Kế toán trưởng	Bỏ nhiệm ngày 16/10/2018
Bà Phạm Thị Vân	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 16/10/2018

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Chu Thị Hường	Trưởng ban	
Bà Vũ Thị Hương Trà	Ủy viên	
Ông Nguyễn Minh Quang	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 19/04/2018

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định pháp lý của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trương Ngọc Lân
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2019



Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 14 Tòa nhà Sudico, đường Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

Tel: (+84 24) 3868 9566 / (+84 24) 3868 9588

Fax: (+84 24) 3868 6248

Web: kiemtoanava.com.vn

Số: 362 /BCKT/TC/VN8

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình được lập ngày 25 tháng 01 năm 2019, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam



Nguyễn Bảo Trung

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 0373-2018-126-1

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2019

Mai Quang Hiệp

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 1320-2018-126-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		478.393.536.918	438.359.240.368
110	I. Tài sản tài chính		473.850.237.106	434.786.738.373
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	32.455.984.291	69.979.501.559
111.1	1.1 Tiền		32.165.984.291	29.689.501.559
111.2	1.2 Các khoản tương đương tiền		290.000.000	40.290.000.000
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	5	86.769.657.354	84.204.524.408
114	4. Các khoản cho vay	5	337.536.751.513	277.226.060.597
116	6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	6	(25.555.765.576)	(19.821.320.069)
117	7. Các khoản phải thu	7	37.666.675.000	18.260.102.060
117.1	7.1 Phải thu bán các tài sản tài chính		37.646.375.000	17.130.425.560
117.2	7.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		20.300.000	1.129.676.500
117.3	7.2.1 Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận		20.300.000	1.129.676.500
118	8. Trả trước cho người bán		165.319.000	394.162.237
119	9. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	7	2.457.709.632	2.190.668.572
122	12. Các khoản phải thu khác	7	5.871.756.112	5.870.889.229
129	13. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	8	(3.517.850.220)	(3.517.850.220)
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		4.543.299.812	3.572.501.995
131	1. Tạm ứng		838.298.100	658.441.000
133	3. Chi phí trả trước ngắn hạn		2.903.319.486	1.531.416.612
136	6. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		401.747.292	396.228.788
137	7. Tài sản ngắn hạn khác		399.934.934	986.415.595
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		157.256.025.662	176.408.457.263
210	I. Tài sản tài chính dài hạn		9.600.000.000	20.000.000.000
212	2. Các khoản đầu tư	9	9.600.000.000	20.000.000.000
212.4	2.4 Đầu tư dài hạn khác		9.600.000.000	20.000.000.000
220	II. Tài sản cố định		132.306.022.764	142.377.642.685
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	2.398.073.609	11.637.565.974
222	- Nguyên giá		15.264.168.424	26.908.493.211
223a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(12.866.094.815)	(15.270.927.237)
227	3. Tài sản cố định vô hình	11	129.907.949.155	130.740.076.711
228	- Nguyên giá		157.496.618.798	157.496.618.798
229a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(27.588.669.643)	(26.756.542.087)
250	V. Tài sản dài hạn khác		15.350.002.898	14.030.814.578
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		843.605.000	752.188.416
254	4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	12	14.506.397.898	13.278.626.162
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		635.649.562.580	614.767.697.631

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNHTầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNHTại ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		212.385.685.038	190.024.987.222
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		212.385.685.038	190.024.987.222
311	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13	160.314.320.109	143.892.614.419
312	1.1 Vay ngắn hạn		160.314.320.109	143.892.614.419
316	3. Trái phiếu phát hành ngắn hạn	14	26.487.000.000	40.029.000.000
318	6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	15	1.055.096.221	1.003.202.295
320	8. Phải trả người bán ngắn hạn		452.382.506	392.496.075
321	9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		381.371.481	715.079.957
322	10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	674.053.010	853.934.765
323	11. Phải trả người lao động		956.865.383	869.706.702
324	12. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		21.267.200	16.459.920
325	13. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	1.733.431.617	1.906.535.550
328	16. Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		156.000.000	166.000.000
329	17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	18	20.153.897.511	179.957.539
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		423.263.877.542	424.742.710.409
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	423.263.877.542	424.742.710.409
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		397.000.000.000	397.000.000.000
411.1	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu		397.000.000.000	397.000.000.000
411.1a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		397.000.000.000	397.000.000.000
412	2. Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý		(10.400.000.000)	-
414	4. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		4.869.146.569	4.483.556.057
415	5. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		4.869.146.569	4.483.556.057
417	7. Lợi nhuận chưa phân phối		26.925.584.404	18.775.598.295
417.1	7.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		35.913.526.111	27.212.399.562
417.2	7.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		(8.987.941.707)	(8.436.801.267)
440	TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		635.649.562.580	614.767.697.631

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
008	8. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của công ty chứng khoán	20	47.291.280.000	34.229.670.000
009	9. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của công ty chứng khoán	21	190.000	1.050.020.000
012	12. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán	22	47.363.120.000	84.681.640.000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	23	4.039.556.220.000	3.673.614.940.000
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch dự do chuyển nhượng		3.277.536.190.000	3.048.616.310.000
021.2	b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		20.864.230.000	17.134.450.000
021.3	c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		720.760.420.000	578.701.380.000
021.5	e. Tài sản tài chính chờ thanh toán		20.395.380.000	29.162.800.000
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	24	1.158.540.000	28.860.700.000
022.1	a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		1.088.540.000	28.860.700.000
022.2	b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng		70.000.000	-
026	7. Tiền gửi của khách hàng	25	152.465.894.793	230.708.088.672
027	7.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		152.459.228.643	230.701.422.522
030	7.4 Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán		6.666.150	6.666.150
031	8. Phải trả Nhà đầu tư về tiền giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	26	152.459.228.643	230.701.422.522
031.1	8.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		152.459.228.643	230.701.422.522
035	12. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	27	6.666.150	6.666.150




Nguyễn Việt Cường
Người lập



Giang Hồng Hạnh
Kế toán trưởng




Trương Ngọc Lân
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNHTầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017	
			VND	VND	
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG					
01	1.1	Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	7.440.997.532	4.358.933.950	
01.1	a.	Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	29.a)	3.799.389.179	1.552.440.541
01.2	b.	Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	29.b)	3.150.018.601	201.167.698
01.3	c.	Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	29.c)	491.589.752	2.605.325.711
03	1.3	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	29.c)	34.738.428.524	36.568.579.364
06	1.6	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		28.116.863.084	23.416.451.986
07	1.7	Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		7.467.042.413	122.345.846
08	1.8	Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán		-	300.000.000
09	1.9	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		2.062.601.932	1.968.948.893
10	1.10	Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính		1.992.909.091	2.424.545.455
11	1.11	Thu nhập hoạt động khác	29.d)	3.405.116.417	5.226.797.414
20		Cộng doanh thu hoạt động		85.223.958.993	74.386.602.908
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG					
21	2.1	Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		4.576.526.253	5.805.568.589
21.1	a.	Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	29.a)	875.367.212	1.128.663.009
21.2	b.	Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	29.b)	3.701.159.041	4.676.905.580
24	2.4	Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay		15.814.788.707	13.665.788.026
26	2.6	Chi phí hoạt động tự doanh		148.970.363	56.632.499
27	2.7	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán		12.049.066.130	9.797.206.717
28	2.8	Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		4.799.500.000	-
29	2.6	Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán		-	150.000.000
30	2.10	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		1.876.354.934	2.020.143.465
31	2.11	Chi phí hoạt động tư vấn tài chính		548.691.001	1.266.905.000
32	2.12	Chi phí các dịch vụ khác	30	18.180.118	33.178.327
40		Cộng chi phí hoạt động		39.832.077.506	32.795.422.623

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
	III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
44	3.1 Doanh thu khác về đầu tư		125.018.964	-
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính		125.018.964	-
62	VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	31	33.985.147.292	32.919.076.331
70	VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		11.531.753.159	8.672.103.954
	VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	8.1 Thu nhập khác	32	8.209.778.142	93.079.929
72	8.2 Chi phí khác	33	8.514.273.333	11.967.080
80	Cộng kết quả hoạt động khác		(304.495.191)	81.112.849
90	IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		11.227.257.968	8.753.216.803
91	9.1 Lợi nhuận đã thực hiện		11.778.398.408	13.228.954.685
92	9.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		(551.140.440)	(4.475.737.882)
100	X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	34	2.306.090.835	1.041.406.570
100.1	10.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		2.306.090.835	1.041.406.570
200	XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		8.921.167.133	7.711.810.233
300	XII. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN			
301	12.1 Lãi/(Lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán		(551.140.440)	(4.475.737.882)
400	Tổng thu nhập toàn diện		(551.140.440)	(4.475.737.882)
500	XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG			
501	13.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	35	225	194

Nguyễn Việt Cường
Người lập

Giang Hồng Hạnh
Kế toán trưởng



Trương Ngọc Lân
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		11.227.257.968	8.753.216.803
02	2. Điều chỉnh cho các khoản		16.736.786.467	15.952.740.891
03	- Khấu hao tài sản cố định		1.683.934.433	3.416.629.365
04	- Các khoản dự phòng		5.734.445.507	3.729.297.931
06	- Chi phí lãi vay		10.080.343.200	9.936.490.095
07	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(64.338.318)	-
08	- Dự thu tiền lãi		(697.598.355)	(1.129.676.500)
10	3. Tăng các chi phí phi tiền tệ		3.701.159.041	4.676.905.580
11	- Lỗ đánh giá giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		3.701.159.041	4.676.905.580
18	4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ		(3.150.018.601)	(201.167.698)
19	- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		(3.150.018.601)	(201.167.698)
30	5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(77.810.443.333)	(33.586.474.605)
31	- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		(3.116.273.386)	22.146.053.098
33	- Tăng (giảm) các khoản cho vay		(60.310.690.916)	39.500.784.763
35	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu bán các tài sản tài chính		(20.515.949.440)	5.085.172.643
36	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		1.109.376.500	(579.676.500)
37	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		(255.749.536)	(407.766.283)
39	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác		(866.883)	11.460.000
40	- Tăng (giảm) các tài sản khác		(179.857.100)	(180.367.250)
41	- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		335.880.831	(39.294.162)
42	- Tăng (giảm) chi phí trả trước		(1.371.902.874)	220.814.564
43	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.311.609.339)	(4.087.497.078)
44	- Lãi vay đã trả		(10.589.327.964)	(8.854.573.681)
45	- Tăng, (giảm) phải trả cho người bán		288.729.668	95.144.178
46	- Tăng, (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		4.807.280	(2.037.450)
47	- Tăng, (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN)		(179.881.755)	(953.066.569)
48	- Tăng, (giảm) phải trả người lao động		87.158.681	(337.192.913)
50	- Tăng, (giảm) phải trả, phải nộp khác		20.688.261.366	(83.658.203.126)
51	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.370.679.813	80.000.000
52	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.863.228.279)	(1.626.228.839)
60	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(49.295.258.458)	(4.404.779.029)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNHTầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
61	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		-	(1.672.000.000)
62	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác		8.892.035.500	58.100.000
63	3. Tiền chi đầu tư vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác		-	(15.000.000.000)
70	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>8.892.035.500</i>	<i>(16.613.900.000)</i>
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
73	3. Tiền vay gốc		12.935.544.357.270	5.182.713.296.080
73.2	3.2 Tiền vay khác		12.935.544.357.270	5.182.713.296.080
74	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(12.932.664.651.580)	(5.165.397.762.234)
74.3	4.3 Tiền chi trả gốc nợ vay khác		(12.932.664.651.580)	(5.165.397.762.234)
76	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(10.322.000.000)
80	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>2.879.705.690</i>	<i>6.993.533.846</i>
90	IV. Tăng (giảm) tiền thuần trong năm		(37.523.517.268)	(14.025.145.183)
101	V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		69.979.501.559	84.004.646.742
101.1	- Tiền		29.689.501.559	84.004.646.742
101.2	- Các khoản tương đương tiền		40.290.000.000	-
103	VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm		32.455.984.291	69.979.501.559
103.1	- Tiền		32.165.984.291	29.689.501.559
103.2	- Các khoản tương đương tiền		290.000.000	40.290.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNHTầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		7.733.492.523.400	6.544.145.248.120
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(7.698.982.121.050)	(6.069.439.895.500)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(110.689.994.297)	(404.295.224.664)
11	4. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(2.062.601.932)	(1.968.948.893)
14	5. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		189.872.284.343	1.723.499.340.415
15	6. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(189.872.284.343)	(1.723.119.136.825)
20	Tăng/giảm tiền thuần trong năm		(78.242.193.879) -	68.821.382.653
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng		230.708.088.672	161.886.706.019
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm		230.708.088.672	161.886.706.019
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		230.701.422.522	161.826.641.788
35	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		6.666.150	60.064.231
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng		152.465.894.793	230.708.088.672
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		152.465.894.793	230.708.088.672
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		152.459.228.643	230.701.422.522
45	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		6.666.150	6.666.150


Nguyễn Việt Cường
Người lập

Giang Hồng Hạnh
Kế toán trưởngTrương Ngọc Lân
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

CHỈ TIÊU	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm		Số dư cuối năm			
	01/01/2017		01/01/2018		31/12/2017		31/12/2018	
	VND	VND	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	VND	VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	397.000.000.000	397.000.000.000	-	-	-	-	397.000.000.000	397.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	397.000.000.000	397.000.000.000	-	-	-	-	397.000.000.000	397.000.000.000
4. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	3.331.847.240	4.483.556.057	1.151.708.817	-	385.590.512	-	4.483.556.057	4.869.146.569
5. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	3.331.847.240	4.483.556.057	1.151.708.817	-	385.590.512	-	4.483.556.057	4.869.146.569
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý	-	-	-	-	-	10.400.000.000	-	(10.400.000.000)
7. Lợi nhuận chưa phân phối	23.689.205.696	18.775.598.295	7.711.810.233	12.625.417.634	8.921.167.133	771.181.024	18.775.598.295	26.925.584.404
7.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	27.650.269.081	27.212.399.562	12.187.548.115	12.625.417.634	9.472.307.573	771.181.024	27.212.399.562	35.913.526.111
7.2 Lợi nhuận chưa thực hiện	(3.961.063.385)	(8.436.801.267)	(4.475.737.882)	(551.140.440)	(551.140.440)	(8.436.801.267)	(8.987.941.707)	
TỔNG CỘNG	427.352.900.176	424.742.710.409	10.015.227.867	12.625.417.634	9.692.348.157	11.171.181.024	424.742.710.409	423.263.877.542



(Handwritten signature)

(Handwritten signature)

Nguyễn Việt Cường
Người lập

Giang Hồng Hạnh
Kế toán trưởng

Trương Ngọc Lân
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2019

(Handwritten signature)

(Handwritten signature)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Đặc điểm hoạt động của Công ty Chứng khoán

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103013960 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26/9/2006 và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 16/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 09 năm 2006, Giấy phép điều chỉnh số 178/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10 tháng 12 năm 2008, Giấy phép điều chỉnh số 365/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 02 tháng 11 năm 2010, Giấy phép điều chỉnh số 19/GPĐC-UBCK ngày 26 tháng 02 năm 2018.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Điều lệ hoạt động của Công ty ban hành tháng 10 năm 2006 và sửa đổi, bổ sung lần gần nhất ngày 21 tháng 4 năm 2017.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 397.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 397.000.000.000 đồng; trong đó 39.700.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty như sau:

Chi nhánh Công ty tại Thành Phố Hồ Chí Minh;
Chi nhánh Công ty tại Thành phố Huế;
Chi nhánh Công ty tại Thành phố Hải Phòng;
Chi nhánh Công ty tại Thành phố Đà Nẵng;
Chi nhánh Công ty tại Thành phố Thái Bình;
Chi nhánh Công ty tại Thành phố Bắc Ninh;
Chi nhánh Công ty tại Thành phố Vũng Tàu.

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn tài chính; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 29/9/2006 Công ty được cấp giấy chứng nhận thành lập Công ty và kết thúc tại ngày 31/12/2006.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán đối với công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán (thay thế cho Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 06 năm 2000, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010); Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính, sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC.

Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 có hiệu lực thi hành từ năm tài chính 2016, riêng các quy định về giá trị hợp lý có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi hoạt động của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn hoặc thu hồi không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành là khoản tiền gửi thu được do bán chứng khoán bảo lãnh phát hành tại ngân hàng thương mại chỉ định do Công ty thực hiện chức năng - Tổ chức bảo lãnh phát hành chứng khoán (bảo lãnh chính hoặc phụ) (kể cả tiền thu được từ các Đại lý bán chứng khoán) và tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành.

Tiền gửi về bù trừ thanh toán giao dịch chứng khoán là số tiền sẵn sàng tham gia bù trừ và thanh toán của Công ty và khách hàng tại ngày T+x theo yêu cầu của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), được mở tại Ngân hàng chỉ định để thanh toán mua, bán chứng khoán theo kết quả đã bù trừ thuần (net).

Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán chứng khoán được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

2.4 . Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

a) Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay, các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) và các khoản phải thu. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) chỉ được xác định theo giá mua/chi phí phát hành.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

b) Nguyên tắc phân loại

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL): tài sản tài chính được phân loại theo FVTPL khi tài sản tài chính đó được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời. Các loại tài sản tài chính được phân loại nhóm khác khi bán cần phân loại lại vào FVTPL.

Các tài sản tài chính FVTPL là công cụ nợ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

Các khoản cho vay: là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo.

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện:

- Hợp đồng giao dịch ký quỹ;
- Hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được xác định theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực, ngoại trừ: các khoản cho vay các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ; các công nợ tài chính phát sinh từ việc chuyển giao một tài sản tài chính không đủ điều kiện dừng ghi nhận hoặc khi phù hợp theo quy định về tiếp tục liên quan; các hợp đồng bảo lãnh tài chính.

c) Nguyên tắc đánh giá lại các tài sản tài chính

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính FTVPL theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được quy định tại Điều lệ hoặc Sở tay định giá của Công ty hoặc sau khi đã được Ban Tổng Giám đốc chấp thuận bằng văn bản.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC như sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Upcom là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá một tháng tính đến ngày đánh giá lại.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại FVTPL vào Báo cáo kết quả hoạt động theo 02 chỉ tiêu: chỉ tiêu "Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, hoạt động tự doanh FVTPL" - Chi tiết "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" (nếu đánh giá giảm) và chỉ tiêu "Thu nhập" - Chi tiết "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" (nếu đánh giá tăng).

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

2.5 . Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính/Báo cáo tài chính hợp nhất (nếu đơn vị nhận đầu tư là Công ty mẹ) của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 06/10/2014.

2.6 . Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn phản ánh khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược bằng tiền của Công ty với các đối tượng trong hoạt động của Công ty phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan hiện hành. Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược không thuộc tài sản của Công ty, Công ty phải có trách nhiệm quản lý tách biệt với tài sản bằng tiền của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

2.7 . Các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn

Phải thu bán các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ giá trị phải thu khi bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (không qua các Sở Giao dịch Chứng khoán), kể cả giá trị đáo hạn của các tài sản tài chính hoặc thanh lý các tài sản tài chính này.

Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

Phải thu các dịch vụ Công ty cung cấp: phản ánh các khoản phải thu của Công ty với Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), với Nhà đầu tư là khách hàng của Công ty, với Tổ chức phát hành chứng khoán hoặc bảo lãnh phát hành chứng khoán, các khoản phải thu từ các hoạt động kinh doanh giao dịch chứng khoán.

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu: được trích lập cho các khoản nợ đã quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được trình bày trên chỉ tiêu "Chi phí quản lý công ty chứng khoán" trên Báo cáo kết quả hoạt động.

2.8 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 08 năm
- Phương tiện vận tải	10 năm
- Thiết bị văn phòng	04 - 06 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 08 năm
- Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không xác định thời hạn, do đó Công ty không trích khấu hao.	

2.9 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

2.10 . Các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản vay: phản ánh tình hình phát hành trái phiếu và thanh toán trái phiếu; phản ánh các khoản tiền vay tạm thời và tình hình trả nợ tiền vay của Công ty với Ngân hàng, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, Quỹ Hỗ trợ thanh toán hoặc các đối tượng cho vay khác theo quy định về hoạt động vay áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán: phản ánh tình hình thanh toán về các khoản phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), phải trả các chi nhánh CTV của Công ty.

Các khoản phải trả tổ chức phát hành chứng khoán: phản ánh tình hình nhận và thanh toán khoản phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán về tiền bán chứng khoán bảo lãnh phát hành do Công ty thực hiện ở công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán chính hoặc phụ, kể cả trường hợp công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán bán chứng khoán phát hành qua các đại lý.

2.11 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí hoạt động kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.12 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo thu nhập toàn diện của Công ty lũy kế phát sinh trong kỳ. Số lợi nhuận được sử dụng để phân phối cho các chủ sở hữu phải trừ đi số lỗ đã thực hiện lũy kế tính từ đầu kỳ này và số lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến thời điểm phân phối lãi cho chủ sở hữu. Việc phân phối lợi nhuận của Công ty cho chủ sở hữu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và theo đúng quy định của pháp luật doanh nghiệp, chứng khoán và các pháp luật hiện hành khác có liên quan đối với công ty chứng khoán, điều lệ công ty chứng khoán, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Lợi nhuận đã thực hiện được phân phối thu nhập cho thành viên góp vốn hoặc cổ đông sau khi đã trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp tính trên khoản thu nhập được hưởng.

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế đã thực hiện hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/10/2014 như sau:

<u>Quỹ</u>	<u>Mức trích từ lợi nhuận sau thuế</u>	<u>Mức trích tối đa</u>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

2.13 . Doanh thu, thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập bán các tài sản tài chính tự doanh FVTPL được xác định là số chênh lệch giữa giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra. Thu nhập bán các tài sản tài chính là thu nhập đã thực hiện.

Thu nhập do đánh giá tăng các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý. Thu nhập đánh giá lại các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL là thu nhập chưa thực hiện.

Thu nhập phát sinh từ các tài sản tài chính tự doanh FVTPL, HTM, các khoản cho vay bao gồm: lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của Luật chứng khoán; cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu, lãi trái phiếu; lãi phát sinh từ các khoản tiền gửi cố định.

Cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ các tài sản tài chính thuộc danh mục đầu tư của Công ty: FVTPL, HTM, AFS được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức từ quyền sở hữu cổ phiếu đã được xác lập.

2.14 . Chi phí hoạt động và chi phí quản lý công ty

Chi phí được ghi nhận khi có khả năng làm giảm các lợi ích kinh tế tại thời điểm phát sinh hoặc có thể xác định được một cách chắc chắn phát sinh, không phân biệt đã được thanh toán hay chưa.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

2.15 . Các khoản thuế

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành (hoặc thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai nếu việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi lập Báo cáo tình hình tài chính.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

2.16 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNHTầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm VND
Cửa Công ty Chứng khoán	7.054.930	133.025.236.414
- Cổ phiếu	7.054.927	132.714.029.565
- Trái phiếu	3	311.206.849
Cửa nhà đầu tư	974.955.917	15.480.699.931.950
- Cổ phiếu	973.920.417	15.364.061.619.150
- Trái phiếu	1.000.000	116.034.300.000
- Chứng khoán khác	35.500	604.012.800
	982.010.847	15.613.725.168.364

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty	32.165.984.291	29.689.501.559
Các khoản tương đương tiền	290.000.000	40.290.000.000
	32.455.984.291	69.979.501.559

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng, được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 7%/năm.

5 . CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH**a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết	35.063.555.265	27.467.087.150	32.764.893.086	25.794.653.500
Cổ phiếu chưa niêm yết	60.382.836.947	58.991.363.355	59.876.432.589	58.409.870.908
Trái phiếu	311.206.849	311.206.849	-	-
	95.757.599.061	86.769.657.354	92.641.325.675	84.204.524.408

b) Các khoản cho vay

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Hoạt động margin	317.657.785.555	246.256.882.032
Hoạt động ứng trước tiền bán	19.878.965.958	30.969.178.565
	337.536.751.513	277.226.060.597

5 - CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

c) - Bảng tình hình biến động giá trị thị trường (hoặc giá trị 4 loại tài sản tài chính) (Theo phương pháp hạch toán tài sản tài chính đánh giá lại)

	Giá mua		Giá thị trường		Chênh lệch đánh giá tăng		Chênh lệch đánh giá giảm		Giá trị đánh giá lại	
	31/12/2018	01/01/2018	31/12/2018	01/01/2018	31/12/2018	01/01/2018	31/12/2018	01/01/2018	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
FVTPL	95.757.599.061	92.641.325.675	86.769.657.354	84.204.524.408	149.674.884	157.294.090	(9.137.616.591)	(8.594.095.357)	86.769.657.354	84.204.524.408
Cổ phiếu niêm yết	35.063.535.265	32.764.893.086	27.467.087.150	25.794.611.500	146.977.899	157.123.090	(7.743.446.014)	(7.127.404.676)	27.467.087.150	25.794.611.500
- SHN	27.467.938.457	27.467.938.457	21.609.568.400	20.370.543.200	-	-	(5.858.390.057)	(7.097.415.257)	21.609.568.400	20.370.543.200
- VGC	7.290.560.000	-	5.460.000.000	-	-	-	(1.830.560.000)	-	5.460.000.000	-
- MBB	4.045.787	5.067.684.001	3.656.600	5.083.225.800	-	15.541.799	(389.187)	-	3.656.600	5.083.225.800
- Cổ phiếu lẻ khác	300.991.021	229.250.628	393.862.150	340.842.500	146.977.899	141.581.291	(54.106.770)	(29.989.419)	393.862.150	340.842.500
Cổ phiếu chưa niêm yết	60.694.043.796	59.876.432.589	59.302.570.204	58.409.912.908	2.696.985	171.000	(1.394.170.577)	(1.466.690.681)	59.302.570.204	58.409.912.908
- BSR	3.417.839.811	-	2.733.600.000	-	-	-	(684.239.811)	-	2.733.600.000	-
- PVO	-	1.682.327.618	-	924.000.000	-	-	-	(758.327.618)	-	924.000.000
- Công ty CP Giấy An Hòa	22.600.000.000	23.600.000.000	22.600.000.000	23.600.000.000	-	-	-	-	22.600.000.000	23.600.000.000
- Ngân hàng TMCP An Bình	25.114.006.552	25.114.006.552	25.114.006.552	25.114.006.552	-	-	-	-	25.114.006.552	25.114.006.552
- Công ty CP Tập đoàn Đầu tư An Bình	4.021.450.000	4.021.450.000	4.021.450.000	4.021.450.000	-	-	-	-	4.021.450.000	4.021.450.000
- Công ty CP Bất Động Sản Exim	3.230.000.000	3.230.000.000	3.230.000.000	3.230.000.000	-	-	-	-	3.230.000.000	3.230.000.000
- Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	957.605.000	957.605.000	957.605.000	957.605.000	-	-	-	-	957.605.000	957.605.000
- Khác	1.041.935.584	1.271.043.419	334.701.803	562.851.356	2.696.985	171.000	(709.930.766)	(708.363.063)	334.701.803	562.851.356
Trái phiếu chưa niêm yết	311.206.849	-	311.206.849	-	-	-	-	-	311.206.849	-
- Trái phiếu khác	311.206.849	-	311.206.849	-	-	-	-	-	311.206.849	-
	95.757.599.061	92.641.325.675	86.769.657.354	84.204.524.408	149.674.884	157.294.090	(9.137.616.591)	(8.594.095.357)	86.769.657.354	84.204.524.408

Ghi chú:

(*) Đối với các cổ phiếu OTC, Công ty cũng chưa thực hiện xác định giá trị hợp lý của các chứng khoán này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Theo đó giá trị hợp lý được ước tính bằng giá gốc của khoản đầu tư.



AN BÌNH SECURITIES CO., LTD.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNHTầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

6 . DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN NHẬN THỂ CHẤP

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay	25.555.765.576	19.821.320.069
Tại ngày 31/12	<u>25.555.765.576</u>	<u>19.821.320.069</u>

7 . CÁC KHOẢN PHẢI THU**a) Các khoản phải thu ngắn hạn**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Các khoản phải thu bán các khoản đầu tư	37.646.375.000	17.130.425.560
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	20.300.000	1.129.676.500
Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	2.457.709.632	2.190.668.572
Phải thu khác	5.871.756.112	5.870.889.229
	<u>45.996.140.744</u>	<u>26.321.659.861</u>

8 . DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Tại ngày 01/01	3.517.850.220	3.517.850.220
Tại ngày 31/12	<u>3.517.850.220</u>	<u>3.517.850.220</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

8 . DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÓI

	Giá trị phải thu khó đòi	Kỳ này				Năm trước VND
		Số đầu năm	Số trích lập VND	Số hoàn nhập VND	Số cuối năm VND	
Dự phòng khó đòi nợ phải thu khác	3.517.850.220	(3.517.850.220)	-	-	(3.517.850.220)	
- Nguyễn Hoài Anh	1.390.282.667	(1.390.282.667)	-	-	(1.390.282.667)	
- Mai Mỹ Trang	1.186.912.000	(1.186.912.000)	-	-	(1.186.912.000)	
- Khách hàng khác	940.655.553	(940.655.553)	-	-	(940.655.553)	
	3.517.850.220	(3.517.850.220)	-	-	(3.517.850.220)	

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNHTầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

9 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	9.600.000.000	20.000.000.000
	9.600.000.000	20.000.000.000

Tại ngày 31/12/2018, Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình đang nắm giữ 2.000.000 cổ phần của Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Cổ phiếu này được Công ty phân loại là Tài sản tài chính AFS với mục đích đầu tư dài hạn. Ngày 07/8/2018 cổ phiếu này đã thực hiện đăng ký giao dịch trên sàn giao dịch Upcom với mã giao dịch là EVF. Giá trị chênh lệch khoản đầu tư AFS dài hạn được ghi nhận vào chênh lệch đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày 31/12/2018.

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2018	9.700.202.321	14.567.577.890	2.640.713.000	26.908.493.211
Thanh lý, nhượng bán	(9.480.202.320)	(1.432.862.467)	(731.260.000)	(11.644.324.787)
Tại ngày 31/12/2018	220.000.001	13.134.715.423	1.909.453.000	15.264.168.424
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2018	1.185.266.506	12.221.244.822	1.864.415.909	15.270.927.237
Khấu hao trong năm	105.228.032	638.135.645	108.443.200	851.806.877
Thanh lý, nhượng bán	(1.101.559.326)	(1.432.862.467)	(722.217.506)	(3.256.639.299)
Tại ngày 31/12/2018	188.935.212	11.426.518.000	1.250.641.603	12.866.094.815
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2018	8.514.935.815	2.346.333.068	776.297.091	11.637.565.974
Tại ngày 31/12/2018	31.064.789	1.708.197.423	658.811.397	2.398.073.609

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 8.993.139.366 đồng.

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm giao dịch, kế toán	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2018	125.000.000.000	32.496.618.798	157.496.618.798
Tại ngày 31/12/2018	125.000.000.000	32.496.618.798	157.496.618.798
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2018	-	26.756.542.087	26.756.542.087
Khấu hao trong năm	-	832.127.556	832.127.556
Tại ngày 31/12/2018	-	27.588.669.643	27.588.669.643
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2018	125.000.000.000	5.740.076.711	130.740.076.711
Tại ngày 31/12/2018	125.000.000.000	4.907.949.155	129.907.949.155

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNHTầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

12 . TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	13.688.799.543	12.438.366.379
Tiền lãi phân bổ trong năm	697.598.355	720.259.783
Số dư cuối năm	14.506.397.898	13.278.626.162

13 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	01/01/2018	Số vay trong năm	Số trả trong năm	31/12/2018
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	143.892.614.419	12.917.881.357.270	12.901.459.651.580	160.314.320.109
Ngân hàng TMCP An Bình ⁽¹⁾	143.892.614.419	12.917.881.357.270	12.901.459.651.580	160.314.320.109
	143.892.614.419	12.917.881.357.270	12.901.459.651.580	160.314.320.109

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn

(1) Vay ngân hàng TMCP An Bình bao gồm nhiều hợp đồng vay: Mục đích hỗ trợ tín dụng các nhà đầu tư. Thời hạn vay từ 01 đến 02 ngày. Hình thức đảm bảo quy định theo hợp đồng.

14 . TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH

Trái phiếu thường

	31/12/2018			01/01/2018		
	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn
	VND	%		VND	%	
Trái phiếu phát hành	26.487.000.000			40.290.000.000		
- Loại phát hành theo mệnh giá	26.487.000.000	9,5%, 10%	12 tháng	40.290.000.000	10,0%	12 tháng
	26.487.000.000			40.290.000.000		

15 . PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	279.025.360	400.766.471
Phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán	185.327.730	180.307.830
Phải trả tổ chức, cá nhân khác	590.743.131	422.127.994
	1.055.096.221	1.003.202.295

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNHTầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	73.586.558	23.694.099
Thuế Thu nhập cá nhân	600.466.452	830.240.666
	674.053.010	853.934.765

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	1.244.437.598	1.753.422.362
Chi phí hoạt động công ty chứng khoán	488.994.019	153.113.188
	1.733.431.617	1.906.535.550

18 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

Ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP An Bình	20.000.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	153.897.511	179.957.539
	20.153.897.511	179.957.539

19 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**a) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	31/12/2018 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2018 VND
Tập đoàn Geleximco - CTCP	43,50%	172.705.620.000	43,50%	172.705.620.000
Công ty CP Tư vấn Đầu tư Thái Bình	9,93%	39.438.530.000	9,93%	39.438.530.000
Ngân hàng TMCP An Bình	0,00%	-	5,20%	20.650.000.000
Ông Chu Văn Mân	9,50%	37.715.000.000	9,50%	37.715.000.000
Ông Nguyễn Văn Anh	6,76%	26.840.950.000	6,76%	26.840.950.000
Ông Vũ Đức Chính	5,20%	20.650.000.000	0,00%	-
Ông Nguyễn Văn Trung	9,50%	37.715.000.000	9,50%	37.715.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	15,60%	61.934.900.000	15,60%	61.934.900.000
	100%	397.000.000.000	100%	397.000.000.000

b) Lợi nhuận chưa phân phối

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	35.913.526.111	27.212.399.562
Lợi nhuận chưa thực hiện	(8.987.941.707)	(8.436.801.267)
	26.925.584.404	18.775.598.295

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

c) Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối năm trước	27.212.399.562	27.650.269.081
Lỗ chưa thực hiện tính đến cuối năm	(8.987.941.707)	(7.127.637.663)
Lỗ/lãi đã thực hiện năm này tính từ đầu năm	9.472.307.573	9.604.964.108
Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn tính đến cuối năm	27.696.765.428	30.127.595.526
Số trích các quỹ từ lợi nhuận	771.181.024	2.303.417.634
- Quỹ dự trữ bổ sung điều lệ	385.590.512	1.151.708.817
- Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	385.590.512	1.151.708.817
Số lãi phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn năm này tại ngày cuối năm	-	10.322.000.000
Thuế phải nộp tính trên thu nhập phân phối cho nhà đầu tư sở hữu cổ phiếu	-	195.657.605
Tổng thu nhập phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn	-	10.126.342.395

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 15/NQ-ĐHCĐ2018 ngày 19/04/2018, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2017 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2017		7.711.810.233
Trích Quỹ dự trữ điều lệ	5,00%	385.590.512
Trích Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5,00%	385.590.512

d) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	397.000.000.000	397.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	397.000.000.000	397.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	397.000.000.000	397.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	10.322.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	-	10.322.000.000

e) Cổ phiếu

	31/12/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	39.700.000	39.700.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	39.700.000	39.700.000
- Cổ phiếu phổ thông	39.700.000	39.700.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	39.700.000	39.700.000
- Cổ phiếu phổ thông	39.700.000	39.700.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNHTầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

20 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	47.291.280.000	34.229.670.000
	<u>47.291.280.000</u>	<u>34.229.670.000</u>

21 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	190.000	1.050.020.000
	<u>190.000</u>	<u>1.050.020.000</u>

22 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Công ty	47.363.120.000	84.681.640.000
	<u>47.363.120.000</u>	<u>84.681.640.000</u>

23 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	3.277.536.190.000	3.048.616.310.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	20.864.230.000	17.134.450.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	720.760.420.000	578.701.380.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	20.395.380.000	29.162.800.000
	<u>4.039.556.220.000</u>	<u>3.673.614.940.000</u>

24 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	1.088.540.000	28.860.700.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	70.000.000	-
	<u>1.158.540.000</u>	<u>28.860.700.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNHTầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

25 . TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	152.459.228.643	230.701.422.522
1. Nhà đầu tư trong nước	152.440.125.084	230.691.297.908
2. Nhà đầu tư nước ngoài	19.103.559	10.124.614
Tiền gửi của tổ chức phát hành	6.666.150	6.666.150
2. Tiền gửi thanh toán cổ tức của tổ chức phát hành	6.666.150	6.666.150
	<u>152.465.894.793</u>	<u>230.708.088.672</u>

26 . PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
1. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	152.459.228.643	230.701.422.522
1.1 Nhà đầu tư trong nước	152.440.125.084	230.691.297.908
1.2 Nhà đầu tư nước ngoài	19.103.559	10.124.614
	<u>152.459.228.643</u>	<u>230.701.422.522</u>

27 . PHẢI TRẢ CỔ TỨC, GỐC VÀ LÃI TRÁI PHIẾU

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu cho Nhà đầu tư	6.666.150	6.666.150
	<u>6.666.150</u>	<u>6.666.150</u>

28 . PHẢI TRẢ VAY CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
1. Phải trả nghiệp vụ margin	317.657.785.555	246.256.882.032
1.1 Phải trả gốc margin	317.657.785.555	246.256.882.032
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	317.657.785.555	246.256.882.032
2. Phải trả nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	19.878.965.958	30.969.178.565
2.1 Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	19.878.965.958	30.969.178.565
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	19.878.965.958	30.969.178.565
	<u>337.536.751.513</u>	<u>277.226.060.597</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

29 - THU NHẬP**a) Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính**

	Tổng giá trị bán VND	Tổng giá vốn VND	Lãi, lỗ bán chứng khoán năm này		Lãi, lỗ bán chứng khoán năm trước	
			Lãi	Lỗ	Lãi	Lỗ
Cổ phiếu niêm yết	42.075.657.500	40.175.197.726	2.793.288.774	863.399.000	1.552.440.541	1.127.550.526
Cổ phiếu chưa niêm yết	25.554.880.000	24.560.747.807	1.006.100.405	11.968.212	-	1.112.483
	67.630.537.500	64.735.945.533	3.799.389.179	875.367.212	1.552.440.541	1.128.663.009

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

b) - Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính

	Giá trị mua theo số	Giá trị thị trường hoặc	Số dư chênh lệch đánh	Số dư chênh lệch đánh	Chênh lệch điều chỉnh
	kế toán	giá trị hợp lý	giá lại cuối kỳ	giá lại đầu kỳ	số kế toán kỳ này
	VND	VND	VND	VND	VND
FVTPL	95.757.599.061	86.769.657.354	(8.987.941.707)	(8.436.801.267)	(551.140.440)
Cổ phiếu niêm yết	35.063.555.265	27.467.087.150	(7.596.468.115)	(6.970.281.586)	(626.186.529)
- SHN	27.467.958.457	21.609.568.400	(5.858.390.057)	(7.097.415.257)	1.239.025.200
- VGC	7.290.560.000	5.460.000.000	(1.830.560.000)	-	(1.830.560.000)
- MBB	4.045.787	3.656.600	(389.187)	15.541.799	(15.930.986)
- Cổ phiếu lẻ khác	300.991.021	393.862.150	92.871.129	111.591.872	(18.720.743)
Cổ phiếu chưa niêm yết	60.382.836.947	58.991.363.355	(1.391.473.592)	(1.466.519.681)	75.046.089
- BSR	3.417.839.811	2.733.600.000	(684.239.811)	-	(684.239.811)
- Công ty Cổ phần Giấy An Hòa	22.600.000.000	22.600.000.000	-	-	-
- Ngân hàng TMCP An Bình	25.114.006.552	25.114.006.552	-	-	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư An Bình	4.021.450.000	4.021.450.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Bất Động Sản Exim	3.230.000.000	3.230.000.000	-	-	-
- Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	957.605.000	957.605.000	-	-	-
- Khác	1.041.935.584	334.701.803	(707.233.781)	(1.466.519.681)	759.285.900
Trái phiếu chưa niêm yết	311.206.849	311.206.849	-	-	-
- Trái phiếu khác	311.206.849	311.206.849	-	-	-
	95.757.599.061	86.769.657.354	(8.987.941.707)	(8.436.801.267)	(551.140.440)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNHTầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

c) Cổ tức và tiền lãi sát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	491.589.752	2.605.325.711
Từ các khoản cho vay	34.738.428.524	36.568.579.364
	<u>35.230.018.276</u>	<u>39.173.905.075</u>

d) Doanh thu ngoài thu nhập các tài sản tài chính

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Thu nhập hoạt động khác	3.405.116.417	5.226.797.414
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu cho thuê tài sản	453.484.545	625.636.361
- Doanh thu khác	2.951.631.872	4.601.161.053
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Thu nhập thuần hoạt động khác	<u>3.405.116.417</u>	<u>5.226.797.414</u>

30 . CHI PHÍ NGOÀI CHI PHÍ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ khác	18.180.118	33.178.327
- Chi phí khác	18.180.118	33.178.327
	<u>18.180.118</u>	<u>33.178.327</u>

31 . CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản theo lương	19.080.016.238	17.221.658.892
Chi phí công cụ, dụng cụ, vật tư, văn phòng phẩm	1.186.799.964	766.270.585
Chi phí khấu hao TSCĐ, BĐSĐT	1.683.934.433	3.416.629.365
Chi phí thuế, phí và lệ phí	16.000.000	13.000.000
Chi phí khác	12.018.396.657	11.501.517.489
	<u>33.985.147.292</u>	<u>32.919.076.331</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNHTầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

32 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	8.087.021.899	-
Các khoản khác	122.756.243	93.079.929
	8.209.778.142	93.079.929

33 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	8.514.273.333	-
Các khoản khác	-	11.967.080
	8.514.273.333	11.967.080

34 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.227.257.968	8.753.216.803
Các khoản điều chỉnh tăng	620.933.000	1.094.103.429
- Chi phí không hợp lệ	620.933.000	1.094.103.429
Các khoản điều chỉnh giảm	(491.589.752)	(4.727.111.472)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(491.589.752)	(2.605.325.711)
- Điều chỉnh giảm khác	-	(2.121.785.761)
Tổng thu nhập tính thuế	11.356.601.216	5.120.208.760
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất hiện hành	2.271.320.243	1.024.041.752
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	34.770.592	17.364.818
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.306.090.835	1.041.406.570

35 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	8.921.167.133	7.711.810.233
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	8.921.167.133	7.711.810.233
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	39.700.000	39.700.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	225	194

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

36 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Hệ thống quản lý rủi ro của công ty được thiết lập nhằm mục đích giảm thiểu các sự kiện rủi ro có thể xảy ra để Công ty đạt được mục tiêu kinh doanh và lợi nhuận một cách hiệu quả an toàn.

Công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Tài sản tài chính	Giá trị số kế toán			
	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.455.984.291	-	69.979.501.559	-
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	86.769.657.354	-	84.204.524.408	-
Các khoản cho vay	337.536.751.513	(25.555.765.576)	277.226.060.597	(19.821.320.069)
Các khoản phải thu	45.996.140.744	(3.517.850.220)	26.321.659.861	(3.517.850.220)
Đầu tư dài hạn	9.600.000.000	-	20.000.000.000	-
	512.358.533.902	(29.073.615.796)	477.731.746.425	(23.339.170.289)
Công cụ nợ tài chính			31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
Vay và nợ			186.801.320.109	183.921.614.419
Phải trả người bán, phải trả khác			21.661.376.238	1.575.655.909
Chi phí phải trả			1.733.431.617	1.906.535.550
			210.196.127.964	187.403.805.878

Theo quy định tại Thông tư 210/2009/TT-BTC, Thông tư 146/2014/TT-BTC và Thông tư 334/2016/TT-BTC, tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng quản trị cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư, bán chứng khoán tự doanh. Tại mỗi kỳ lập báo cáo, Công ty đánh giá rủi ro căn cứ vào tình hình thị trường: giá cổ phiếu, mức độ nắm giữ, trạng thái nắm giữ. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách duy trì ở một mức độ hợp lý các khoản vay và các nguồn vay thích hợp từ việc phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.455.984.291	-	-	32.455.984.291
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	86.769.657.354	-	-	86.769.657.354
Các khoản cho vay	311.980.985.937	-	-	311.980.985.937
Các khoản phải thu	42.478.290.524	-	-	42.478.290.524
Đầu tư dài hạn	-	9.600.000.000	-	9.600.000.000
	473.684.918.106	9.600.000.000	-	483.284.918.106
Tại ngày 01/01/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	69.979.501.559	-	-	69.979.501.559
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	84.204.524.408	-	-	84.204.524.408
Các khoản cho vay	257.404.740.528	-	-	257.404.740.528
Các khoản phải thu	22.803.809.641	-	-	22.803.809.641
Đầu tư dài hạn	-	20.000.000.000	-	20.000.000.000
	434.392.576.136	20.000.000.000	-	454.392.576.136

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2018				
Vay và nợ	186.801.320.109	-	-	186.801.320.109
Phải trả người bán và phải trả khác	21.661.376.238	-	-	21.661.376.238
Chi phí phải trả	1.733.431.617	-	-	1.733.431.617
	210.196.127.964	-	-	210.196.127.964
Tại ngày 01/01/2018				
Vay và nợ	183.921.614.419	-	-	183.921.614.419
Phải trả người bán và phải trả khác	1.575.655.909	-	-	1.575.655.909
Chi phí phải trả	1.906.535.550	-	-	1.906.535.550
	187.403.805.878	-	-	187.403.805.878

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH
 Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
 Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

37 . BÁO CÁO BỘ PHẬN
 Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động môi giới, lưu ký chứng khoán	Hoạt động đầu tư tự doanh	Các hoạt động khác	Tổng cộng các bộ phần	Loại trừ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu hoạt động	30.179.465.016	7.440.997.532	47.603.496.445	85.223.958.993	-	85.223.958.993
Chi phí hoạt động	13.925.421.064	4.725.496.616	21.181.159.826	39.832.077.506	-	39.832.077.506
Chi phí không phân bổ	-	-	-	33.985.147.292	-	33.985.147.292
Kết quả hoạt động	16.254.043.952	2.715.500.916	26.422.336.619	11.531.753.159	-	11.531.753.159
Tài sản bộ phận trực tiếp	2.457.709.632	134.016.032.354	311.980.985.937	448.454.727.923	-	448.454.727.923
Tài sản không phân bổ	-	-	-	187.194.834.657	-	187.194.834.657
Tổng tài sản	2.457.709.632	134.016.032.354	311.980.985.937	635.649.562.580	-	635.649.562.580
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	1.055.096.221	-	186.801.320.109	187.856.416.330	-	187.856.416.330
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	24.529.268.708	-	24.529.268.708
Tổng nợ phải trả	1.055.096.221	-	186.801.320.109	212.385.685.038	-	212.385.685.038

Theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNHTầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

38 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Cổ tức được chia			
Ngân hàng TMCP An Bình	(*)	-	1.171.809.420
Vay vốn			
Ngân hàng TMCP An Bình	(*)	12.917.881.357.270	4.815.250.370.409
Trả vốn vay			
Ngân hàng TMCP An Bình	(*)	12.901.459.651.580	4.765.095.116.853
Chi trả lãi vay			
Ngân hàng TMCP An Bình	(*)	5.732.413.850	1.958.247.124

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Đầu tư cổ phiếu, góp vốn			
Công ty Cổ phần Giấy An Hòa	(*)	22.600.000.000	23.600.000.000
Ngân hàng TMCP An Bình	(*)	25.114.006.552	25.114.006.552
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư An Bình	(*)	4.021.450.000	4.021.450.000
Phải trả			
Ngân hàng TMCP An Bình	(*)	160.314.320.109	143.892.614.419

(*) Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty hoặc người có liên quan của Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tịch Hội đồng quản trị của các đơn vị này.


Ngoài các thông tin về các bên liên quan đã được trình bày ở trên, giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	2.494.816.368	2.008.167.205

39 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam kiểm toán.


Nguyễn Việt Cường
Người lập

Giang Hồng Hạnh
Kế toán trưởng


Trương Ngọc Lân
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2019